

Số: 07 /2025/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 20 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập;
trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân
lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước
từ năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND-VHXXH ngày 18/6/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Trẻ em đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn khu công nghiệp, bảo đảm những điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định.
- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực.
- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức hỗ trợ

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 20 triệu đồng/lần/cơ sở giáo dục mầm non độc lập để trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

2. Đối với trẻ em

a) Trẻ em được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng (*Hai trăm ngàn đồng/trẻ/tháng*);

b) Thời gian hỗ trợ theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

3. Đối với giáo viên

a) Giáo viên mầm non đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng (*tám trăm ngàn đồng/tháng*). Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực được hưởng hỗ trợ tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.



c) Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học. Trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác; đảm bảo đúng quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2021 - 2022 đến năm 2024 - 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 25 (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.05.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Hằng

